

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG  
MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT  
*VIET PHAT IMPORT EXPORT  
COMMERCIAL INVESTMENT JSC*

Số/No: **15** /2026/CBTT-VPG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness*

Hải Phòng, ngày **29** tháng 07 năm 2026  
Hai Phong, **29**<sup>th</sup> July, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh City Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of Company*: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát /*Viet Phat Import Export Commercial Investment JSC*.

- Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: VPG
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of Head office*: Số 123 BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng/ *No.123BT02 – 97 Bach Dang, Hong Bang ward, Hai Phong City*.
- Điện thoại/ *Telephone*: 02253.569699 Fax: 02253.569689
- Email: [info@vietphatgroup.com.vn](mailto:info@vietphatgroup.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ *Announcement content*:

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng đầu năm 2026/ *Viet Phat Import Export Trading Investment Joint Stock Company discloses its Corporate Governance Report for the first six months of 2026*.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **29**./07/2026 tại đường link/ *This information was published on the company's website on 29<sup>th</sup> July, 2026, at the link <https://vietphatgroup.com.vn/bao-cau-thuong-nien>*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby commit that the information disclosed above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information*.

Người đại diện theo pháp luật  
**Legal representative**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Lê Thị Thanh Lê*

Số/No: 02/2026/BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2026  
Haiphong, 29<sup>th</sup> July, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**6 tháng đầu năm 2026/ The half first year 2026**

**Kính gửi/Tô:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
*State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.  
*Ho Chi Minh Stock Exchange.*

- Tên công ty/ *Name of Company:* Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát/ *Viet Phat Import Export Trading Investment Joint Stock Company*
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of Headoffice:* Số 123BT 02-97 đường Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam/ *No. 123BT02 – 97 Bach Dang Street, Hong Bang Ward, Hai Phong City, Vietnam.*
- Điện thoại/ *Telephone:* 0225.3569.699 Fax: 0225.3569.689
- Email: *info@vietphatgroup.com.vn*
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 884.157.510.000 đồng/ *884.157.510.000 VND*
- Mã chứng khoán/ *Stock code:* VPG
- Mô hình quản trị Công ty/ *Governance model:* Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ *General Meeting of Shareholders (GMS), Board of Directors (BOD), General Director and Audit Committee under the BOD.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ *The implementation of internal audit functions: implemented.*

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, Resolutions/Decisions of the GMS (including those approved by written consent):*





| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No.                   | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2026/NQ - ĐHĐCĐ<br>(ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/Annual GMS in 2025) | 22/04/2026   | <p><b>Thông qua các nội dung như sau/ Approving the following contents:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 - 2027/ <i>The List of Voting Board, the Meeting Agenda, and the Working Regulations of the GMS, Regulations on election of additional members to the BOD for the remaining term of 2022 – 2027.</i></li> <li>- Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung các báo cáo: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và các kế hoạch trong năm 2026; Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2025 và kế hoạch hoạt động trong năm 2026/ <i>The full content of the following Reports: Report on the activities of the BOD in 2025 and direction for 2026; Report of the Independent BOD member in the Audit Committee in 2025 and plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025, kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2026/ <i>The Company's Business Performance in 2025 and the Business Plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán/ <i>The Separate and Consolidated Financial Statements for 2025.</i></li> <li>- Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2026/ <i>Selection of an Auditing Firm to review and audit the 2026 Financial Statements;</i></li> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ 2025/ <i>The profit distribution plan and funds for 2025;</i></li> <li>- Thông qua nội dung Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT ngày 01/04/2026 về việc quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ủy</li> </ul> |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>ban kiểm toán năm 2025 và Kế hoạch thù lao năm 2026/ <i>The contents of Proposal No. 05/2026/TTr-HĐQT dated April 01, 2026 regarding the settlement of remuneration for the BOD and the Audit Committee in 2025 and the remuneration plan for 2026;</i></p> <p>- Thông qua nội dung Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT ngày 01/04/2026 và Tờ trình số 06A/2026/TTr-HĐQT ngày 20/04/2026 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027/ <i>Approve the contents of Proposal No. 06/2026/TTr-HĐQT dated April 1, 2026, and Proposal No. 06A/2026/TTr-HĐQT dated April 20, 2026, regarding the dismissal and election of additional members of the Board of Directors for the 2022–2027 term.</i></p> <p>Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Kiểm toán đối với ông Nguyễn Khôi kể từ ngày 22/04/2026/ <i>Approve the dismissal of Mr. Nguyễn Khôi from his positions as a Member of the Board of Directors and a member of the Audit Committee, effective from April 22, 2026.</i></p> <p>Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với bà Vũ Thị Phụng kể từ ngày 22/04/2026/ <i>Approve the dismissal of Ms. Vũ Thị Phụng from her position as a Member of the Board of Directors, effective from April 22, 2026.</i></p> <p>- Thông qua nội dung Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT ngày 01/04/2026 về việc báo cáo các nội dung ĐHĐCĐ năm 2025 đã thông qua nhưng chưa thực hiện/ <i>Approve the contents of Proposal No. 07/2026/TTr-HĐQT dated April 1, 2026, regarding the report on matters approved by the 2025 General Meeting of Shareholders but not yet implemented</i></p> <p>- Thông qua Báo cáo ngày 22/04/2026 về Danh sách ứng cử, đề cử bầu thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2026/ <i>Approve the Report dated April 22, 2026, on the list of candidates nominated and proposed</i></p> |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

68.  
TỶ  
ÂN  
NG  
KH  
IAT  
PH



|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p><i>for election as members of the Board of Directors at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua việc bà Trần Thị Vân Anh được bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị không điều hành kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán và bà Trần Thị Bích Ngọc được bầu bổ sung làm thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027/ <i>Approve the additional election of Ms. Trần Thị Vân Anh as a non-executive member of the Board of Directors and a member of the Audit Committee, and Ms. Trần Thị Bích Ngọc as a member of the Company's Board of Directors, for the 2022–2027 term.</i></p> |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/Board of Directors (The half first year 2026 Report):**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors (BOD):**

| TT/<br>No. | Thành viên HĐQT/ BOD<br>members                     | Chức vụ/ Position                                     | Ngày bắt đầu /không còn là<br>thành viên/ thành viên độc lập<br>HĐQT/ The date of appointment/<br>dismissal as BOD member<br>/Independent BOD Member |                                                 |
|------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|            |                                                     |                                                       | Ngày bổ nhiệm/<br>The date of<br>appointment                                                                                                         | Ngày miễn<br>nhiệm/ The<br>date of<br>dismissal |
| 1          | Bà Lê Thị Thanh Lê/<br>Ms. Le Thi Thanh Le          | Chủ tịch HĐQT<br>/Chairwoman of the<br>BOD            | 19/04/2022<br>03/06/2025                                                                                                                             |                                                 |
| 2          | Ông Nguyễn Xuân<br>Trường/ Mr Nguyen<br>Xuan Truong | Thành viên HĐQT/<br>Member of the BOD                 | 31/07/2025                                                                                                                                           |                                                 |
| 3          | Bà Vũ Thị Phượng/<br>Ms Vu Thi Phuong               | Thành viên HĐQT/<br>Member of the BOD                 | 31/07/2025                                                                                                                                           | 22/04/2026                                      |
| 4          | Ông Nguyễn Tuấn Vinh/<br>Mr Nguyen Tuan Vinh        | Thành viên HĐQT<br>độc lập/ Independent<br>BOD member | 31/07/2025                                                                                                                                           |                                                 |
| 5          | Ông Nguyễn Khôi/<br>Mr. Nguyen Khoi                 | Thành viên HĐQT<br>độc lập/ Independent<br>BOD member | 19/04/2022                                                                                                                                           | 22/04/2026                                      |

|   |                                                         |                                                                                     |            |  |
|---|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 6 | Bà Trần Thị Bích Ngọc/<br><i>Ms. Tran Thi Bich Ngoc</i> | Thành viên HĐQT/<br><i>Member of the BOD</i>                                        | 22/04/2026 |  |
| 7 | Bà Trần Thị Vân Anh/<br><i>Ms. Tran Thi Van Anh</i>     | Thành viên HĐQT<br>không điều hành/ <i>Non-<br/>executive Member of<br/>the BOD</i> | 22/04/2026 |  |

**2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the BOD:**

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>BOD member</i>                       | Số buổi họp<br>HĐQT tham<br>dự/ <i>Attendance<br/>at BOD<br/>meetings</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp/<br><i>Attendance<br/>ratio</i> | Lý do không tham dự<br>họp/ <i>Reasons for<br/>absence</i>                                                                      |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Lê Thị Thanh Lệ/<br><i>Ms. Le Thi Thanh Le</i>           | 4/4                                                                       | 100%                                                 |                                                                                                                                 |
| 2          | Ông Nguyễn Xuân<br>Trường/ <i>Mr Nguyen<br/>Xuan Truong</i> | 4/4                                                                       | 100%                                                 |                                                                                                                                 |
| 3          | Bà Vũ Thị Phượng/<br><i>Ms Vu Thi Phuong</i>                | 2/4                                                                       | 50%                                                  | Miễn nhiệm kể từ ngày<br>22/04/2026/ <i>Dismissed<br/>as of April 22,2026</i>                                                   |
| 4          | Ông Nguyễn Tuấn Vinh/<br><i>Mr Nguyen Tuan Vinh</i>         | 4/4                                                                       | 100%                                                 |                                                                                                                                 |
| 5          | Ông Nguyễn Khôi/<br><i>Mr. Nguyen Khoi</i>                  | 0/4                                                                       | 0%                                                   | Do bận công việc/<br><i>Absent due to work</i><br>Miễn nhiệm kể từ ngày<br>22/04/2026/ <i>Dismissed<br/>as of April 22,2026</i> |
| 6          | Bà Trần Thị Bích Ngọc/<br><i>Ms. Tran Thi Bich Ngoc</i>     | 2/4                                                                       | 50%                                                  | Bổ nhiệm kể từ ngày<br>22/04/2026/ <i>Appointed<br/>as of April 22, 2026</i>                                                    |
| 7          | Bà Trần Thị Vân Anh/<br><i>Ms. Tran Thi Van Anh</i>         | 2/4                                                                       | 50%                                                  | Bổ nhiệm kể từ ngày<br>22/04/2026/ <i>Appointed<br/>as of April 22, 2026</i>                                                    |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ *Board of Directors' supervision of the Board of Management:***

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định pháp luật, đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

*The BOD supervised the activities of the Board of Management (BOM) in accordance with the Company's Charter, Resolutions of the GMS, the Company's internal management*



*regulations and legal provisions within its proper authority, without obstructing or overlapping to the operational management of the General Director and other managers of the Company.*

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty thông qua các cuộc họp định kỳ/chuyên đề của công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, các mặt hoạt động khác, và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh qua các Báo cáo, Tờ trình của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành. Chỉ đạo Ủy ban kiểm toán Công ty kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.

*The BOD carried out its management and supervision of the Company's BOM activities through regular/specialized meetings to understand the situation of business production, investment, other activities and promptly handle issues arising in business operations through reports and proposals from the General Director and the BOM. The BOD also directed the Company's Audit Committee to inspect and monitor the Company's operational situation.*

Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc gồm các nội dung sau/  
*The BOD supervision activities over the BOM include:*

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

*Organizing and implementing the GMS Resolutions and the BODs' Resolutions and Decisions;*

- Công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty và các CTTV;

*Directing and orienting the business production and investment activities of the Company and its subsidiaries.*

- Tổ chức bộ máy, nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

*Organizing the organizational structure and personnel, and issuing the Company's internal management regulations.*

- HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tập trung triển khai các biện pháp khắc phục tình trạng cổ phiếu bị đưa vào diện cảnh báo và xử lý nghĩa vụ nợ thuế; chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền, rà soát chi phí, đẩy mạnh thu hồi công nợ và làm việc với cơ quan thuế để bảo đảm tuân thủ. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ, kịp thời cho Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện, các khó khăn phát sinh và giải pháp xử lý nhằm ổn định hoạt động, bảo vệ quyền lợi cổ đông.

*The Board of Directors requires the Board of Management to prioritize measures to address the Company's stock-warning status and settle outstanding tax liabilities; proactively develop cash-flow plans, review costs, strengthen receivables collection, and work with tax authorities to ensure compliance. The Board of Management shall provide the Board of Directors with regular and timely reports on implementation progress, challenges encountered, and proposed solutions, with the aim of stabilizing operations and safeguarding shareholders' interests.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the BOD' subcommittees (if any):* Không có/None.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm)/ *Resolutions /Decisions of the BOD (The half first year reports):*

| Stt/<br>No. | Số Nghị<br>quyết/Quyết<br>định <i>Resolution/<br/>Decision No.</i> | Thời<br>gian/ <i>Date</i> | Nội dung/ <i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                             | Tỷ lệ<br>thông<br>qua/<br><i>Approval<br/>ratio</i> |
|-------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1           | 02/2026/NQ-<br>HĐQT                                                | 03/03/2026                | Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 và Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ thường niên 2026/ <i>Organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders and finalize the list of shareholders entitled to attend the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i> | 100%                                                |
| 2           | 04/2026/NQ-<br>HĐQT                                                | 01/04/2026                | Thông qua Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2026/ <i>Approve the meeting materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                             | 100%                                                |
| 3           | 06/2026/QĐ-<br>HĐQT                                                | 22/4/2026                 | Thôi giữ chức vụ Phó TGD đối với bà Vũ Thị Phụng/ <i>Dismiss Ms. Vũ Thị Phụng from her position as Deputy General Director</i>                                                                                                                                                       | 100%                                                |
| 4           | 07/2026/QĐ-<br>HĐQT                                                | 22/4/2026                 | Thôi giữ chức vụ KTT đối với bà Trần Thị Thanh/ <i>Dismiss Ms. Trần Thị Thanh from her position as Chief Accountant</i>                                                                                                                                                              | 100%                                                |
| 5           | 08/2026/QĐ-<br>HĐQT                                                | 22/4/2026                 | Bổ nhiệm bà Vũ Thị Phụng giữ chức vụ Kế toán trưởng/ <i>Appoint Ms. Vũ Thị Phụng as Chief Accountant.</i>                                                                                                                                                                            | 100%                                                |
| 6           | 10/2026/NQ-<br>HĐQT                                                | 24/05/2026                | Phân bổ thù lao thành viên HĐQT và UBKT năm 2026/ <i>Allocate remuneration for members of the Board of Directors and the Audit Committee for 2026.</i>                                                                                                                               | 100%                                                |

III. Ủy ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2026/*Audit Committee of the half first year 2026:*

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Audit Committee:*



| Stt/<br>No. | Thành viên Ủy<br>ban<br>kiểm toán/<br><i>Members of Audit<br/>Committee</i> | Chức vụ/<br><i>Position</i>                                  | Ngày bắt đầu<br>là thành viên<br>Ủy ban kiểm<br>toán/ <i>The<br/>date of<br/>appointment<br/>as Audit<br/>Committee<br/>member</i> | Ngày không<br>còn là thành<br>viên Ủy ban<br>kiểm toán/<br><i>The date of<br/>dismissal as<br/>Audit<br/>Committee<br/>member</i> | Trình độ<br>chuyên môn/<br><i>Qualification</i>                                    |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông Nguyễn Khôi/<br><i>Mr. Nguyen Khoi</i>                                  | Thành viên<br>UBKT/ <i>Audit<br/>Committee<br/>member</i>    | 19/04/2022                                                                                                                         | 22/04/2026                                                                                                                        | Kỹ sư xây<br>dựng/ <i>Civil<br/>engineer</i>                                       |
| 2           | Ông Nguyễn Tuấn<br>Vinh/<br><i>Mr Nguyen Tuan<br/>Vinh</i>                  | Chủ tịch<br>UBKT/<br><i>Audit<br/>Committee<br/>chairman</i> | 31/07/2025                                                                                                                         |                                                                                                                                   | Thạc sỹ tài<br>chính/ <i>Master<br/>of Finance</i>                                 |
| 3           | Bà Trần Thị Vân<br>Anh/ <i>Ms Tran Thi<br/>Van Anh</i>                      | Thành viên<br>UBKT/ <i>Audit<br/>Committee<br/>member</i>    | 22/04/2026                                                                                                                         |                                                                                                                                   | Kỹ sư Quản<br>trị doanh<br>nghiệp/<br><i>Corporate<br/>Governance<br/>Engineer</i> |

## 2. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán/ *Meetings of Audit Committee:*

| Stt/<br>No. | Thành viên Ủy ban<br>kiểm toán/ <i>Members<br/>of Audit Committee</i> | Số buổi họp<br>tham dự/<br><i>Attendance at<br/>meetings</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp/<br><i>Attendance<br/>ratio</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết/<br><i>Voting<br/>ratio</i> | Lý do không<br>tham dự họp/<br><i>Reasons for<br/>absence</i>                 |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông Nguyễn Khôi/<br><i>Mr. Nguyen Khoi</i>                            | 0/01                                                         | 0%                                                   | 0%                                              |                                                                               |
| 2           | Ông Nguyễn Tuấn<br>Vinh/<br><i>Mr Nguyen Tuan Vinh</i>                | 01/01                                                        | 100%                                                 | 100%                                            |                                                                               |
| 5           | Bà Trần Thị Vân Anh/<br><i>Ms Tran Thi Van Anh</i>                    | 01/01                                                        | 100%                                                 | 100%                                            | Bổ nhiệm kể từ<br>ngày 22/4/2026<br><i>Appointed as of<br/>April 22, 2026</i> |

## 3. Hoạt động giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông/ *Audit Committee's supervision activities to the BOD, BOM, and shareholders.*

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trong 06 tháng đầu năm 2026 tuân thủ Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ



sở phù hợp với nhu cầu quản trị và tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Trong bối cảnh Công ty có nhiều biến động, bao gồm việc cổ phiếu bị đưa vào diện cảnh báo và các nghĩa vụ thuế cần được xử lý, Ủy ban Kiểm toán đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đưa ra các kiến nghị cần thiết. Một số hoạt động chủ yếu như sau:

*The Audit Committee's activities during the first six months of 2026 complied with the Audit Committee's Operating Regulations, the Company's Charter, and relevant laws, taking into account the Company's governance needs and actual operating conditions. Amid significant developments, including the Company's stock-warning status and tax obligations requiring resolution, the Audit Committee strengthened its review and oversight activities and made necessary recommendations. Key activities included:*

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.

*Reviewing and supervising the implementation of Resolutions of the GMS and the BOD.*

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh định kỳ, báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính các quý.

*Assessing periodic business performance reports, annual and quarterly financial statements.*

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản phê duyệt. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty được tổ chức và tiến hành theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

*In the half first year 2026, the BOD held meetings and issued various Resolutions/Decisions/Approval Documents. These meetings were organized and conducted under the Company's charter and applicable laws.*

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo các quy định nội bộ và quy định pháp luật hiện hành.

*The BOM implemented the Resolutions/Decisions of the BOD in compliance with internal regulations and applicable laws.*

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, Ủy ban kiểm toán không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.

*In the half first year 2026, the Audit Committee did not receive any complaints from shareholders.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The Coordination among the Audit Committee, the BOM, BOD and other managers:*

- Ủy ban kiểm toán đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các quản lý bộ phận khác trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán:

*Audit Committee closely coordinated with the BOD, the BOM, and other managers in its inspection and supervision activities while maintaining its independence in performing its functions and duties:*

- Ủy ban kiểm toán tham dự họp và được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của Ủy ban kiểm toán.

*The Audit Committee attended meetings and was provided with all relevant documents, and meeting minutes from the BOD and other functional departments related to its work.*

- Ủy ban kiểm toán đã đưa kiến nghị về các vấn đề thuộc quyền hạn của Ủy ban kiểm toán trong các cuộc họp Hội đồng quản trị đã tham gia, các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề cần lưu tâm trong hoạt động của Công ty.

*The Audit Committee made recommendations on matters within its authority during the BOD' meetings it participated in, as well as suggestions to the BOD and the BOM on issues requiring attention in the company's operations.*

- Ủy ban kiểm toán đã nhận được sự phối hợp từ các Ban, bộ phận, nhân sự của Công ty và các đơn vị liên quan như cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát, cử nhân sự làm việc với Ủy ban kiểm toán khi cần thiết.

*The Audit Committee received full support from the company's departments, divisions, personnel, and related units, including the provision of necessary reports and documents for oversight and the assignment of staff to collaborate with the Audit Committee as needed.*

**5. Hoạt động khác của Ủy ban kiểm toán/Other activities of the Audit Committee:**  
Không có/None

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/ BOM Members         | Ngày tháng năm sinh/<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn/<br>Qualification                   | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/Date of appointment/ dismissal as BOM members |
|------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2          | Ông Nguyễn Xuân Trường/ Mr Nguyen Xuan Truong | 20/03/1987                            | Kỹ sư ngành điều khiển tàu biển/Marine Control Engineer | 06/05/2025                                                                                      |
| 3          | Bà Lê Thị Thanh Lệ/ Ms. Le Thi Thanh Le       | 22/03/1980                            |                                                         | 12/2017                                                                                         |
| 4          | Bà Vũ Thị Phượng/ Ms. Vu Thi Phuong           | 10/11/1987                            | Cử nhân Kế toán/ Bachelor of Accounting                 | 06/05/2025 – 22/4/2026                                                                          |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên/Full name                   | Ngày tháng năm sinh/<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/ Date of appointment/dismissal |
|---------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh/ Ms. Tran Thi Thanh | 14/06/1984                            | Cử nhân Kế toán/ Bachelor of Accounting         | 05/09/2025 – 22/04/2026                                 |



|                                             |            |                                                   |            |
|---------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|------------|
| Bà Vũ Thị Phụng/<br><i>Ms. Vu Thi Phung</i> | 10/11/1987 | Cử nhân Kế toán/<br><i>Bachelor of Accounting</i> | 22/04/2026 |
|---------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|------------|

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác: đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance were involved by BOD members, General Director, other managers in accordance with regulations on corporate governance*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (06 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (the half first year 2026) and transactions between affiliated persons of the Company and the Company.**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company:  
Vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm/Kindly refer to the attached Annex 1
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Không/None
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/Transaction between internal persons of the company, affiliated persons of internal persons and subsidiaries and companies controlled by the Company: Không/None
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other parties: Không/None

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons  
Vui lòng xem Phụ lục 2 đính kèm/ Kindly refer to the attached Annex 2
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: Không /None

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other issues: Không/None**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOD**



**Lê Thị Thanh Lê**



PHỤ LỤC SỐ 01/ ANNEX 01  
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/  
THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

| STT / No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch CK/<br>Securities trading account | Chức vụ tại công ty/<br>Position at the Company                                                         | Số Giấy NSH/<br>NSH No. | Ngày cấp/ Date of issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/<br>Time of starting to be affiliated person                                                                  | Thời điểm không còn là người có liên quan/<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do/ Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br>Relationship with the Company |
|-----------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1         | Lê Thị Thanh Lê                                        | 008C908888                                            | Chủ tịch HĐQT-PTGD/<br>Chairwoman of BOD,<br>Deputy General Director                                    |                         |                         |                         |                                                      | 19/04/2022<br>(Được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 03/06/2025/ Elected as Chairman of the Board of Directors with effect from 03 June 2025) |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 2         | Nguyễn Khôi                                            |                                                       | TV độc lập HĐQT, /<br>Independent member of the BOD<br>Thành viên UBKT/Member of the Audit Committee    |                         |                         |                         |                                                      | 19/04/2022                                                                                                                                            | 22/04/2026                                                                           |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 3         | Nguyễn Tuấn Vinh                                       | 0001029703                                            | TV độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT/<br>Independent BOD member, Chairman of the Audit Committee              |                         |                         |                         |                                                      | 31/07/2025                                                                                                                                            |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 4         | Nguyễn Xuân Trường                                     |                                                       | Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc/<br>BOD Member - General Director                                       |                         |                         |                         |                                                      | 05/06/2025                                                                                                                                            |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 5         | Trần Thị Vân Anh                                       |                                                       | TV HĐQT không điều hành kiêm TV UBKT/ Non-executive Member of the BOD cum Member of the Audit Committee |                         |                         |                         |                                                      | 22/04/2026                                                                                                                                            |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 6         | Trần Thị Bích Ngọc                                     |                                                       | Thành viên HĐQT/<br>BOD Member                                                                          |                         |                         |                         |                                                      | 22/04/2026                                                                                                                                            |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 7         | Vũ Thị Phượng                                          |                                                       | Kế toán trưởng/<br>Chief Accountant                                                                     |                         |                         |                         |                                                      | 22/04/2026                                                                                                                                            |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 8         | Trần Thị Thanh                                         | 030C014490                                            | Kế toán trưởng/<br>Chief Accountant                                                                     |                         |                         |                         |                                                      | 09/05/2025                                                                                                                                            | 22/04/2026                                                                           |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |
| 9         | Hoàng Trung Kiên                                       |                                                       | Người PTQTCT/<br>Administrators                                                                         |                         |                         |                         |                                                      | 22/06/2021                                                                                                                                            |                                                                                      |                | Người nội bộ/<br>Internal person                                    |





| STT / No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                                       | Tài khoản giao dịch CK/<br>Securities trading account | Chức vụ tại công ty/<br>Position at the Company                                                                           | Số Giấy NSH/<br>NSH No. | Ngày cấp/ Date of issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan/<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do/ Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br>Relationship with the Company                               |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10        | Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Newland/ Newland Investment Construction Joint Stock Company |                                                       |                                                                                                                           |                         |                         |                         |                                                      | 28/10/2022                                                                           |                                                                                      |                | Công ty con/<br>Subsidiary company                                                                |
| 11        | Phạm Khương Duy                                                                              |                                                       | Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland/ General Director of Newland Investment Construction Joint Stock Company |                         |                         |                         |                                                      | 28/10/2022                                                                           |                                                                                      |                | Người đại diện theo pháp luật của Công ty con/ The legal representative of the subsidiary company |
| 12        | Công ty TNHH XNK Việt Phát/ Viet Phat Import Export Company Limited                          |                                                       |                                                                                                                           |                         |                         |                         |                                                      | 28/02/2025                                                                           |                                                                                      |                | Công ty con/<br>Subsidiary company                                                                |



PHỤ LỤC SỐ 02/ ANNEX 02

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY/LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS IN THE COMPANY

| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name                                                                                        | TK giao<br>dịch chứng<br>khoán/<br>Securities<br>trading<br>account | Chức vụ tại công<br>ty/ Position at the<br>Company                          | Mối quan hệ đối<br>với người nội bộ                                                                                            | Số Giấy NSH/ NSH<br>No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ/ Number<br>of shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ/<br>Ratio<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Ghi chú/<br>Notes                                          |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1           | Lê Thị Thanh Lê                                                                                          | 008C908888                                                          | Chủ tịch HĐQT-<br>PTGD/<br>Chairwoman of<br>BOD, Deputy<br>General Director | Chủ tịch HĐQT/<br>Chairwoman of<br>BOD                                                                                         |                         |                               |                         |                                                      | 4.002.075                                                                                     | 4,53%                                                                                       |                                                            |
| 1,01        | Lê Anh Chi                                                                                               |                                                                     |                                                                             | Bố đẻ/Father                                                                                                                   |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,02        | Nguyễn Thị Yêu                                                                                           |                                                                     |                                                                             | Mẹ đẻ/Mother                                                                                                                   |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,03        | Nguyễn Văn Bình                                                                                          | 057C968888                                                          |                                                                             | Chồng/Husband                                                                                                                  |                         |                               |                         |                                                      | 22.800.880                                                                                    | 25,79%                                                                                      |                                                            |
| 1,04        | Lê Anh Đoàn                                                                                              |                                                                     |                                                                             | Anh trai/Brother                                                                                                               |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,05        | Nguyễn Thị Luyến                                                                                         |                                                                     |                                                                             | Chị dâu/Sister-in-<br>law                                                                                                      |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,06        | Lê Anh Hiệp                                                                                              |                                                                     |                                                                             | Em trai/Brother                                                                                                                |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Định cư ở Anh<br>quốc/Settling in<br>the United<br>Kingdom |
| 1,07        | Nguyễn Thị Ngọc Bích                                                                                     |                                                                     |                                                                             | Con gái/Daughter                                                                                                               |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,08        | Nguyễn Thiện Lương                                                                                       |                                                                     |                                                                             | Con trai/Son                                                                                                                   |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,09        | Nguyễn Thị Ngọc Anh                                                                                      |                                                                     |                                                                             | Con gái/Daughter                                                                                                               |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,1         | Nguyễn Tiến Minh                                                                                         |                                                                     |                                                                             | Con trai/Son                                                                                                                   |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |
| 1,11        | Công Ty Cổ Phần Đầu<br>Tư Xây Dựng Newland/<br>Newland Investment<br>Construction Joint<br>Stock Company |                                                                     |                                                                             | Người nội bộ là<br>Chủ tịch HĐQT<br>Công ty/The<br>related person is<br>the Chairman of<br>the Company's<br>Board of Directors |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                            |





| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name                                                                                                           | TK giao<br>dịch chứng<br>khoán/<br>Securities<br>trading<br>account | Chức vụ tại công<br>ty/ Position at the<br>Company                                                                                                                         | Mối quan hệ đối<br>với người nội bộ                                                      | Số Giấy NSH/ NSH<br>No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ/ Number<br>of shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ/<br>Ratio<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Ghi chú/<br>Notes                                                                                                |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2           | Nguyễn Khôi                                                                                                                 |                                                                     | TV độc lập HĐQT,<br>Chủ tịch UBKT/<br>Independent<br>member of the<br>BOD, Chairman of<br>the Audit<br>Committee<br>Thành viên<br>UBKT/Member of<br>the Audit<br>Committee |                                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Đã miễn nhiệm<br>từ ngày<br>22/4/2026/ Has<br>been removed<br>from the<br>position<br>effective 22<br>April 2026 |
| 2,01        | Lê Thị Hải                                                                                                                  |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Mẹ đẻ/Mother                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               | 0,00%                                                                                       |                                                                                                                  |
| 2,02        | Nguyễn Long                                                                                                                 |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Bố đẻ/Father                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,03        | Vũ Thị Hà Nhung                                                                                                             |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Vợ/Wife                                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,04        | Vũ Bá Giảng                                                                                                                 |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Bố vợ/Father-in-<br>law                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,05        | Phạm Thị Chuột                                                                                                              |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Mẹ vợ/Mother-in-<br>law                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,06        | Nguyễn Khánh Phương                                                                                                         |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Con gái/Daughter                                                                         |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,07        | Nguyễn Duy Khánh                                                                                                            |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Con trai/Son                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,08        | Nguyễn Lâm                                                                                                                  |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Anh trai/Brother                                                                         |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2,09        | Chu Phương Mai                                                                                                              |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Chị dâu/Sister-in-<br>law                                                                |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 2.10        | Công ty Cổ Phần Đầu tư<br>Khu công nghiệp Tiên<br>Thanh/ Tien Thanh<br>Industrial Park<br>Investment Joint Stock<br>Company |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Người nội bộ là<br>Giám đốc Công ty/<br>The insider is the<br>Director of the<br>Company |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 3           | Nguyễn Tuấn Vinh                                                                                                            | 0001029703                                                          | Thành Viên độc lập<br>HĐQT kiêm CT<br>UBKT<br>/Partner<br>of the BOD cum<br>Chairman of the<br>Audit Committee                                                             |                                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 3,1         | Nguyễn Duy Bình                                                                                                             |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Bố đẻ/Father                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 3,2         | Vũ Thị Dung                                                                                                                 |                                                                     |                                                                                                                                                                            | Vợ/Wife                                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |

20  
 C  
 C  
 U  
 X  
 NG

| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name                                            | TK giao<br>dịch chứng<br>khoán/<br>Securities<br>trading<br>account | Chức vụ tại công<br>ty/ Position at the<br>Company                      | Mối quan hệ đối<br>với người nội bộ                                                      | Số Giấy NSH/ NSH<br>No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ/ Number<br>of shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ/<br>Ratio<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Ghi chú/<br>Notes                                                                |
|-------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 3,3         | Nguyễn Vũ Ngân Anh                                           |                                                                     |                                                                         | Con gái/Daughter                                                                         |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Còn nhò chưa<br>có CCCD/<br>Underage and<br>does not yet<br>have a Citizen<br>ID |
| 3,4         | Nguyễn Tuấn Linh                                             |                                                                     |                                                                         | Con trai/Son                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Còn nhò chưa<br>có CCCD/<br>Underage and<br>does not yet<br>have a Citizen<br>ID |
| 3,5         | Nguyễn Tuấn Vũ                                               |                                                                     |                                                                         | Em trai/Brother                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 3,6         | Trần Ánh Ngọc                                                |                                                                     |                                                                         | Em dâu/Sister-in-<br>law                                                                 |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 3,7         | Nguyễn Thị Tới                                               |                                                                     |                                                                         | Mẹ vợ/Mother-in-<br>law                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4           | Nguyễn Xuân Trường                                           |                                                                     | Thành viên HĐQT -<br>Tổng giám đốc/<br>BOD Member -<br>General Director |                                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,1         | Nguyễn Thị Thủy                                              |                                                                     |                                                                         | Vợ/Wife                                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,2         | Nguyễn Thái Dương                                            |                                                                     |                                                                         | Con trai/Son                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,3         | Nguyễn Thái Sơn                                              |                                                                     |                                                                         | Con trai/Son                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,4         | Nguyễn Văn Nghị                                              |                                                                     |                                                                         | Bố đẻ/Father                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,5         | Nguyễn Thị Vinh                                              |                                                                     |                                                                         | Mẹ đẻ/Mother                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,6         | Nguyễn Văn Thung                                             |                                                                     |                                                                         | Bố vợ/Father-in-<br>law                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,7         | Lưu Thị Thịnh                                                |                                                                     |                                                                         | Mẹ vợ/Mother-in-<br>law                                                                  |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,8         | Nguyễn Thị Thu Trang                                         |                                                                     |                                                                         | Chị gái/Sister                                                                           |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4,9         | Nguyễn Văn Thuận                                             |                                                                     |                                                                         | Anh trai vợ/<br>Brother-in-law                                                           |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |
| 4.10        | Công ty TNHH S&G<br>Commodities/S&G<br>Commodities Co., Ltd. |                                                                     |                                                                         | Người nội bộ là<br>Giám đốc Công ty/<br>The insider is the<br>Director of the<br>Company |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                  |



| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name                                           | TK giao<br>dịch chứng<br>khoán/<br>Securities<br>trading<br>account | Chức vụ tại công<br>ty/ Position at the<br>Company                                                                         | Mối quan hệ đối<br>với người nội bộ                                                      | Số Giấy NSH/ NSH<br>No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ/ Number<br>of shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ/<br>Ratio<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Ghi chú/<br>Notes                                                             |
|-------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 4,11        | Công ty TNHH VTB<br>Việt Thịnh/ VTB Viet<br>Thinh Co., Ltd. |                                                                     |                                                                                                                            | Người nội bộ là<br>Giám đốc Công ty/<br>The insider is the<br>Director of the<br>Company |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5           | Trần Thị Vân Anh                                            |                                                                     | TV HĐQT không<br>điều hành kiêm<br>TV UBKT/ Non-<br>executive Member<br>of the BOD cum<br>Member of the<br>Audit Committee |                                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,1         | Lại Thế Long                                                |                                                                     |                                                                                                                            | Con trai/Son                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,2         | Lại Thị Phương Linh                                         |                                                                     |                                                                                                                            | Con gái/Daughter                                                                         |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,3         | Trần Quý Điền                                               |                                                                     |                                                                                                                            | Bố đẻ/Father                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,4         | Trần Thị Bích Diệp                                          |                                                                     |                                                                                                                            | Chị gái/ Sister                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,5         | Trần Thùy Dương                                             |                                                                     |                                                                                                                            | Em gái/Sister                                                                            |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,6         | Đàm Duy Hải                                                 |                                                                     |                                                                                                                            | Em rể/Brother-in-<br>law                                                                 |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 5,7         | Bùi Văn Lực                                                 |                                                                     |                                                                                                                            | Anh rể/Brother-in-<br>law                                                                |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6           | Trần Thị Bích Ngọc                                          |                                                                     | Thành viên HĐQT/<br>BOD Member                                                                                             |                                                                                          |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6,1         | Ngô Thăng Long                                              |                                                                     |                                                                                                                            | Chồng/Husband                                                                            |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6,2         | Ngô Ngọc Diệp                                               |                                                                     |                                                                                                                            | Con gái/Daughter                                                                         |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Còn nhò chưa<br>có CCCD/Not<br>yet eligible for<br>a Citizen<br>Identitv Card |
| 6,3         | Ngô Hoàng Vũ                                                |                                                                     |                                                                                                                            | Con trai/Son                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Còn nhò chưa<br>có CCCD/Not<br>yet eligible for<br>a Citizen<br>Identitv Card |
| 6,4         | Ngô Xuân Trường                                             |                                                                     |                                                                                                                            | Bố chồng/Father-in-<br>law                                                               |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6,5         | Bùi Thị Lân                                                 |                                                                     |                                                                                                                            | Mẹ chồng/Mother-<br>in-law                                                               |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6,6         | Trần Văn Việ                                                |                                                                     |                                                                                                                            | Bố đẻ/Father                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6,7         | Vũ Thị Thúy                                                 |                                                                     |                                                                                                                            | Mẹ đẻ/Mother                                                                             |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |
| 6,8         | Trần Thị Phương                                             |                                                                     |                                                                                                                            | Em gái/Sister                                                                            |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                               |

68.  
TỶ  
HÂN  
JONG  
ÁP KI  
PHÁ  
ST.P

| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name       | TK giao dịch chứng khoán/<br>Securities trading account | Chức vụ tại công ty/<br>Position at the Company | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Số Giấy NSH/ NSH No. | Ngày cấp/<br>Date of issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/<br>Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/<br>Ratio owned at the end of the period | Ghi chú/<br>Notes    |
|-------------|-------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 6,9         | HWANG TAIHYUN           |                                                         |                                                 | Em rể/Brother-in-law             |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 6.10        | Trần Thị Anh            |                                                         |                                                 | Em gái/Sister                    |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7           | <b>Vũ Thị Phụng</b>     |                                                         | Kê toán trưởng/<br>Chief Accountant             |                                  |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,1         | Bùi Văn Duẩn            |                                                         |                                                 | Chồng/Husband                    |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,2         | Bùi Vũ Phụng Chi        |                                                         |                                                 | Con gái/Daughter                 |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        | Còn nhỏ/ Young child |
| 7,3         | Bùi Vũ An Chi           |                                                         |                                                 | Con gái/Daughter                 |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        | Còn nhỏ/ Young child |
| 7,4         | Vũ Văn Tuất             |                                                         |                                                 | Bố đẻ/Father                     |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,5         | Phan Thị Hằng           |                                                         |                                                 | Mẹ đẻ/Mother                     |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,6         | Bùi Kim Hoàn            |                                                         |                                                 | Bố chồng/Father-in-law           |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,7         | Vũ Thị Thiệu            |                                                         |                                                 | Mẹ chồng/Mother-in-law           |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,8         | Vũ Thị Nhung            |                                                         |                                                 | Em gái/Sister                    |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7,9         | Vũ Văn Đông             |                                                         |                                                 | Em trai/Brother                  |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 7.10        | Phan Mạnh Hà            |                                                         |                                                 | Em rể/Brother-in-law             |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8           | <b>Hoàng Trung Kiên</b> |                                                         | Người PT Quản trị Công ty/<br>Administrators    |                                  |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.01        | Hoàng Thiệu             |                                                         |                                                 | Bố đẻ/Father                     |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.02        | Lê Thị Nhâm             |                                                         |                                                 | Mẹ đẻ/Mother                     |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.03        | Đoàn Thị Minh Thân      |                                                         |                                                 | Mẹ vợ/Mother-in-law              |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.04        | Trịnh Thị Nguyệt Thu    |                                                         |                                                 | Vợ/Wife                          |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.05        | Hoàng Trung Quân        |                                                         |                                                 | Con trai/Son                     |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.06        | Hoàng Trung Dũng        |                                                         |                                                 | Con trai/Son                     |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.07        | Hoàng Thị Thanh Thủy    |                                                         |                                                 | Chị gái/Sister                   |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.08        | Hoàng Thị Hoàn          |                                                         |                                                 | Chị gái/Sister                   |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.09        | Hoàng Thị Vân           |                                                         |                                                 | Chị gái/Sister                   |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.10        | Hoàng Văn Vĩnh          |                                                         |                                                 | Em trai/Brother                  |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.11        | Lê Quang Minh           |                                                         |                                                 | Anh rể/Brother-in-law            |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.12        | Cao Thế Hoàn            |                                                         |                                                 | Anh rể/Brother-in-law            |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |
| 8.13        | Nguyễn Kiều Oanh        |                                                         |                                                 | Em dâu/Sister-in-law             |                      |                            |                         |                                                      |                                                                                |                                                                        |                      |

11/10/2023  
MAI  
AU  
TÀI PH



| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name    | TK giao<br>dịch chứng<br>khoán/<br>Securities<br>trading<br>account | Chức vụ tại công<br>ty/ Position at the<br>Company | Mối quan hệ đối<br>với người nội bộ | Số Giấy NSH/ NSH<br>No. | Ngày cấp/<br>Date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ/<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ/ Number<br>of shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ/<br>Ratio<br>owned at<br>the end<br>of the<br>period | Ghi chú/<br>Notes                                                                                                |
|-------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9           | Trần Thị Thanh       | 030C014490                                                          | Kế toán trưởng/<br>Chief Accountant                |                                     |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             | Đã miễn nhiệm<br>từ ngày<br>22/4/2026/ Has<br>been removed<br>from the<br>position<br>effective 22<br>April 2026 |
| 9,1         | Lê Anh Vũ            |                                                                     |                                                    | Chồng/Husband                       |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,2         | Lê Trần Ngọc Linh    |                                                                     |                                                    | Con gái/Daughter                    |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,3         | Lê Ngọc Linh Đan     |                                                                     |                                                    | Con gái/Daughter                    |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,4         | Trần Ngọc Lân        |                                                                     |                                                    | Bố đẻ/Father                        |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,5         | Phạm Ngọc Kim        |                                                                     |                                                    | Mẹ đẻ/Mother                        |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,6         | Trần Phương          |                                                                     |                                                    | Anh trai/Brother                    |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,7         | Nguyễn Thị Tuyết Lan |                                                                     |                                                    | Chị dâu/Sister-in-law               |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,8         | Trần Mạnh Dũng       |                                                                     |                                                    | Em trai/Brother                     |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9,9         | Phạm Thị Vân Anh     |                                                                     |                                                    | Em dâu/Sister-in-law                |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |
| 9.10        | Vũ Thị Tơ            |                                                                     |                                                    | Mẹ chồng/Mother-in-law              |                         |                               |                         |                                                      |                                                                                               |                                                                                             |                                                                                                                  |

